

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

---\*\*\*---

Bản án số: 30/2019/HS - ST  
Ngày 24/5/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
\*\*\*\*\***

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Nhung.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Hiền – Phó chủ tịch UBND xã Liên Giang và bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Nguyên cán bộ thị trấn Đông Hưng

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 29/2019/ TLST- HSST ngày 06 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST - HS ngày 14/5/2019 đối với:

**Các bị cáo:**

**1. Phạm Bá T**, sinh ngày 15/6/1985; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐP, huyện ĐH, tỉnh TB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ Phạm Bá Th (đã chết); Mẹ đẻ: Phạm Thị H, Vợ: Trần Thị H1, sinh năm: 1987 (đã ly hôn); Con: có 01 con sinh năm: 2008

Tiền án: Có 03 tiền án. Bản án số 06/HSST ngày 06/02/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt T 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 30/8/2006 T chấp hành xong bản án; Bản án số 45/HSST ngày 27/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt T 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 12/8/2014 T chấp hành xong hình phạt tù và đã nộp xong án phí; Bản án số 49/2015/HSST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt T 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 13/7/2018 T chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/01/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng

**2. Mai Đình Q**, sinh ngày 02/10/1989; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh TB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Mai Đình T1, mẹ đẻ: Vũ Thị L, Vợ, con: chưa có.

Nhân thân: Ngày 07/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Ngày 15/8/2010, Q chấp hành xong toàn bộ bản án .

Tiền án: Có 02 tiền án. Bản án số 40/HSST ngày 18/7/2013 Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt Q 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Qu, sinh năm 1977, trú tại thôn HN, xã L G, huyện ĐH 2.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị X ở thôn ĐC, xã ĐHa, huyện QP là 433.000 đồng. Ngày 27/6/2014 Q chấp hành xong hình phạt tù và đã nộp xong án phí hình sự án phí dân sự. Nay chị X không yêu cầu Q phải bồi thường 433.000 đồng, chị Qu chưa có đơn yêu cầu thi hành án, nay không còn thời hiệu thi hành. Bản án số 66/HSST ngày 22/9/2015 Toà án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt Q 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Ngày 17/10/2017 Q chấp hành xong hình phạt tù nhưng Q chưa thi hành phần bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 26/01/2019 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng

*(Các bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)*

- **Bị hại:**

1. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã ĐP, huyện ĐH, tỉnh TB.

*(Xin vắng mặt)*

2. Anh Vũ Ngọc T2 sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh TB.

*(Vắng mặt)*

Có mặt chị Phạm Thị Ph, sinh năm 1971 – là vợ anh T

- **Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:**

Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn VH, xã AV, huyện QP, tỉnh TB

*(Vắng mặt)*

- **Người làm chứng:**

1. Anh Đinh Hữu T1 sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã AL, huyện QP, tỉnh TB.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 15, Phường BX, thành phố TB, tỉnh TB.

3. Anh Nguyễn Văn S sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Th, xã AT, huyện QP, tỉnh TB.

*(Đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 23/01/2019, Phạm Bá T gọi điện thoại rủ Mai Đình Q là bạn đến xã AL, huyện QP, tỉnh TB nơi ở trọ của chị Nguyễn Thị H, là bạn của T chơi. Q đồng ý. Đến 16 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô hiệu Sirius đeo biển kiểm soát 29E2-208.08 của Q đến cổng nhà T để đón T

đến nhà trọ của chị H nhưng khi đến nơi không thấy chị H ở nhà trọ nên cả hai quay trở về nhà T chơi. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T bảo Q “Mày chở tao lên viện trộm xe, dễ trộm lắm”(ý T rủ Q lên Bệnh viện ĐH trộm cắp xe máy). Q nói “Ai lại lên viện ăn trộm”, T trả lời: “Thế cứ đi đi” (ý T là cứ đi nếu phát hiện có ai tài sản sơ hở thì trộm cắp), Q hiểu ý T nên đồng ý. T mang theo 01 chiếc cò lê 8 do T mua ở một quán tạp hóa khu vực phố gỗ xã ĐL và 01 vạm phá khóa do T tự chế bằng đầu chiếc tô vít từ trước. Q điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau đi từ nhà T ra trục đường chính của xã ĐP, sau đó đi tiếp theo hướng từ Ủy ban nhân dân xã về hướng cổng chào của xã. Cách cổng chào khoảng 100 mét là một ngôi nhà đang xây của gia đình chị Phạm Thị L, sinh năm 1984 ở thôn N, xã ĐP. Chị L vừa dựng xe mô tô hiệu Wave  $\alpha$  màu đỏ, biển kiểm soát 17K8-6412 đăng ký xe mang tên chị ngay trước cửa nhà, đầu xe hướng vào trong nhà, khóa cò, không khóa càng rồi vào trong nhà dọn dẹp. Khi điều khiển xe chở T đến đây, Q nhìn thấy chiếc xe này không có người trông coi, Q nói với T “Kia có con xe ớt đồ” và tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T đi qua xe mô tô này khoảng 10 mét thì đi chậm lại. T nhảy xuống xe đi bộ đến chỗ để xe, dùng chiếc vạm phá khóa mang theo cắm vào ổ khóa điện, tay trái giữ vạm, tay phải cầm chiếc cò lê vặn phá được khóa. Sau đó, T dắt xe đi bộ khoảng 10 mét về hướng cổng chào rồi mới lên xe nổ máy điều khiển xe đi ra đường 217, đến Quốc lộ 10, qua quán Cà phê ở xã ĐH, huyện QP nơi chị H làm việc để mượn chìa khóa cửa rồi đi đến phòng trọ của chị H. Đến nơi, T mở cửa phòng dắt xe vào trong nhà rồi gọi điện cho Q cùng đến, một lúc sau thì Q đến nơi. Tại đây, T dùng vạm phá khóa mở cốp xe thấy trong cốp có 01 chiếc quần mưa màu đỏ; 01 chiếc ví giả da màu nâu đen dạng gấp, trong ví có: 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô đều mang tên Phạm Thị L ở xã ĐP, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank và khoảng 40.000 đồng. T lấy tiền và giấy đăng ký xe cất đi, các giấy tờ còn lại T đốt sau đó đưa ví cho Q, thấy ví không có gì nên Q vứt chiếc ví vào thùng rác tại nhà chị H. Sau đó, T và Q gọi điện cho chị H để xin số điện thoại của anh Đinh Văn T1, sinh năm 1992 ở thôn ĐĐ, xã AV, huyện QP, tỉnh TB là người làm nghề xe ôm thường chở chị H đi làm. Tiếp đó, T gọi điện thoại cho anh T, T bảo anh T1 là T có một xe mô tô Wave màu đỏ, có giấy tờ muốn bán, nhờ anh T hỏi giúp xem có ai mua không. Sau khi T nhờ thì anh T1 gọi điện hỏi anh Vũ Văn Th, sinh năm 1976 ở xã A L, QP là người chuyên mua bán xe máy cũ, anh Th liền nhờ anh T đi xem xe trước. Anh T1 gọi điện cho T hẹn gặp xem xe tại trạm xe buýt ở gần cầu Vật. T đồng ý điều khiển chiếc xe trộm cắp được đi phía trước, điều khiển xe của Q đi sau. Còn anh T1 liền nhờ anh Nguyễn Văn Sáng sinh năm 1987 ở thôn Thượng, An Tràng, huyện Quỳnh Phụ làm nghề xe ôm ở Ngã tư Vũ Hạ chở anh T1 đến đó. Đến nơi anh Sáng quay về còn anh T1 gặp T, xem xe xong thì anh T1 báo lại cho anh Th. Một lúc sau, anh Th đi xe mô tô đến xem xe và trao đổi với T, T đồng ý bán chiếc xe vừa trộm cắp được cho anh Th với giá 2.700.000 đồng. Anh Th trả T 2.700.000 đồng, cho anh T1 150.000 đồng rồi nhờ anh T1 đi xe mô tô vừa mua của T mang về nhà giúp. Sau khi T nhận tiền bán xe xong thì lên ngồi sau xe mô tô của Q để Q chở T về nhà. Trên đường về, T chi tiêu hết 540.000đ

gồm: đổ xăng cho xe mô tô của Q hết 40.000.000 đồng, mua 04 chiếc thẻ điện thoại loại Vietell, mệnh giá 50.000Đ/chiếc hết 200.000 đồng và ăn uống hết 300.000 đồng. Sau đó, T đưa cho Q 1.000.000 đồng và 2 chiếc thẻ điện thoại vừa mua, Q sử dụng tiền này mua thêm 1 thẻ điện thoại hết 50.000 đồng còn lại 950.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ. T còn giữ lại 1.200.000 đồng, T đã mua đồ ăn vặt hết 150.000 đồng, còn lại 1.050.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Phạm Bá T và Mai Đình Q nhưng không thu giữ gì.

Ngày 29/01/2019, cháu Vũ Ngọc M, sinh năm 2002 con gái của anh Vũ Văn Th đã giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave  $\alpha$  màu đỏ đen, biển kiểm soát 17K8 - 6412 và đăng ký xe mang tên Phạm Thị L. Theo cháu M trình bày: do bố gọi điện nhờ cháu mang xe này đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đông Hưng để giao nộp, ngoài ra không cháu không biết gì khác.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 55a ngày 25/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K8 - 6412 của chị Phạm Thị L trị giá 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

**Vụ thứ hai:** Quá trình điều tra, T còn tự thú khai nhận đêm ngày 16 rạng ngày 17/01/2018 còn trộm cắp 01 chiếc xe mô tô tại cây xăng Hoàng Trọng thuộc xã ĐL, huyện ĐH, tỉnh TB. Kết quả điều tra xác định: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 16/01/2019, anh Vũ Ngọc T2 sinh năm 1970 ở tổ 9, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng là chủ xe ô tô khách TPH điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave  $\alpha$  biển kiểm soát 54T3-0416 của anh (đăng ký xe trên mang tên Lê Thị Mỹ Hi sinh năm 1967 ở phường CGi, quận 1, thành phố HCM) từ nhà đến cây xăng Hoàng Trọng. Đến nơi, thấy anh Bùi Văn V, sinh năm 1979 ở thôn ĐV, xã ĐL, huyện ĐH là nhân viên bán xăng của Công ty Hoàng Trọng làm việc ca đêm nhưng đang ngồi ngủ trên ghế. Do thường xuyên mua xăng cho xe ô tô khách và gửi xe mô tô tại đây để đi làm nên anh không gọi anh V dậy để gửi xe mà để xe dựng ở khu vực trước phòng khách của cây xăng, xe chỉ khóa điện, không khóa cổ, khóa càng. Sau đó anh T2 theo xe ô tô khách của mình ra Móng Cái - Quảng Ninh.

Khoảng 24 giờ ngày 16/01/2017, sau khi xem bóng đá xong ở trên thành phố Thái Bình, T bắt xe taxi từ thành phố về xã Đông La, huyện Đông Hưng để vào nhà bà S1 là bác ruột của T ở xã Đông La để ngủ nhờ. Đến cây xăng Hoàng Trọng xã ĐL gần nhà bà S1 thì T xuống xe. T nhìn thấy trước cửa văn phòng của cây xăng có 01 nam thanh niên đang ngồi ngủ trên ghế, cách đó khoảng 10 mét có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave  $\alpha$ , màu đỏ đen, biển kiểm soát 54 (những số sau T không nhớ) không có người trông coi, thấy sơ hở nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T đi đến chỗ để xe, dùng chìa khóa cửa phòng trọ của chị H mang sẵn trong người mở ổ khóa điện. Mở được khóa, T nổ máy và điều khiển xe đến phòng trọ của chị H, đến nơi thấy chị H không ở nhà nên T ngủ tại đó. Đến sáng ngày 17/01/2019 T gọi điện thoại nhờ chị H tìm người bán xe giúp

nhưng không nói với chị H về nguồn gốc xe. Khoảng 08 giờ cùng ngày, chị H gọi điện cho anh T1 nói “Anh xem có ai mua con xe biển 54 không”, anh T1 đồng ý, sau đó chị H về phòng trọ. Còn anh T1 gọi điện hỏi anh Vũ Văn Th xem có mua chiếc xe đó không. Anh Th liền nhờ anh T1 đi xem xe trước. Anh T1 nhờ anh Nguyễn Văn S sinh năm 1987 ở thôn Th, AT, huyện QP chở xe ôm đến, khi đến phòng trọ của chị H thì anh S quay về. Đến nơi, Anh T1 xem xe xong rồi báo lại cho anh Th biết tình trạng xe, anh Th bảo mua với giá 3.000.0000 đồng. T đồng ý bán và điều khiển chiếc xe trộm cắp được chở anh T1 đến cây xăng VH. Đến nơi, T đứng đợi còn anh T1 điều khiển xe về nhà anh Th để giao xe và nhận tiền từ anh Th mang trả cho T, anh Th cho anh T1 150.000 đồng còn T nhận tiền và cho lại anh T1 100.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 86 ngày 26/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 54T3 - 0416 trị giá 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Phạm Thị L đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 17K8 - 6412 và đăng ký xe, đối với một số giấy tờ khác và thẻ ATM T đã rút bỏ của chị, chị không yêu cầu các bị cáo bồi thường; số tiền 40.000 đồng trong bóp xe chị không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả; Đối với 01 ví và 01 quần mưa chị L xác định tài sản đã cũ không còn giá trị sử dụng nên chị không yêu cầu nhận lại đồng thời xin vắng mặt tại phiên tòa, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Anh Vũ Ngọc T2 yêu cầu T phải bồi thường 3.600.000 đồng bằng giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  biển kiểm soát 54T3 - 0416 do T trộm cắp.

Tại phiên tòa các bị cáo T, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể: Khoảng 18 giờ 30 ngày 23/01/2019, Phạm Bá T và Mai Đình Q có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 17K8 - 6412, trị giá 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và 40.000 đồng trong bóp xe của chị Phạm Thị L sinh năm 1984 ở thôn Tr, xã ĐP, huyện ĐH, tỉnh TB.

Ngoài ra, T còn khai nhận đêm ngày 16, rạng sáng ngày 17/01/2019, Phạm Bá T còn có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 54T3 – 0416, có trị giá 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) của anh Vũ Ngọc T2 sinh năm 1970 ở tổ 9, thị trấn Đông Hưng.

Bị cáo T còn trình bày có 03 tiền án về tội chiếm đoạt chưa được xóa án tích, Q có 02 tiền án về tội chiếm đoạt chưa được xóa án tích và đã 01 lần bị xét xử về tội ma túy nhưng đã được xóa án tích.

Tại phiên tòa Chị L, anh T2, anh Th vắng mặt không có ý kiến trình bày; chị Phương vợ anh T2 có mặt tại phiên tòa, chị Phương giữ nguyên ý kiến mà anh T2 đã trình bày tại cơ quan điều tra yêu cầu T phải bồi thường 3.600.000 đồng trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  biển kiểm soát 54T3 - 0416 mà T trộm cắp, chị Ph đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

**Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo. Cáo trạng số 32/CT- VKSDH ngày 03/5/2019 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố Phạm Bá T và Mai Đình Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**

huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 32/CT- VKSDH ngày 03/5/2019 đồng thời đề nghị HĐXX kết tội các bị cáo Phạm Bá T và Mai Đình Q về tội: “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng Điều g, khoản 2 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 58, và Điều 17 Bộ luật hình sự đối với cả 02 bị cáo T và Q; Áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 51 Đối với bị cáo Q, áp dụng điểm r, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T tuyên phạt bị cáo T từ 02(hai) năm 09(chín) tháng - 03(ba) năm tù; phạt Q từ 02(hai) năm 03(ba) tháng - 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Chi L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 40.000 đồng trong ví các bị cáo chiếm đoạt nên không phải giải quyết. Đề nghị chuyển số tiền 3.600.000 đồng gia đình T đã nộp thay cho T tại Chi cục thi hành án bồi thường cho gia đình anh T2 và đề nghị xử L vật chứng.

Các bị cáo T, Q đều xác định cáo trạng truy tố các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa các bị cáo nói lời nói sau cùng: Điều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo T trình bày đã tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền 3.600.000 đồng để khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình anh T2 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật, xem xét việc khắc phục hậu quả để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

### **PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

[1] Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án thì thấy đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với cáo trạng số 32/CT- VKSDH ngày 03/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với: Lời khai của những người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi liên quan cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 ngày 23/01/2019, Phạm Bá T và Mai Đình Q có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 17K8 - 6412, trị giá 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và 40.000 đồng trong cốp xe của chị Phạm Thị L sinh năm 1984 ở thôn Trung, xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Phạm Bá T còn có hành vi một mình trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 54T3 – 0416, có trị giá 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) của anh Vũ Ngọc T2, sinh năm 1970 ở tổ 9, thị trấn Đông Hưng vào đêm ngày 16, rạng ngày 17/01/2019 trực tiếp đem đi tiêu thụ và sử dụng toàn bộ số tiền bán chiếc xe mô tô của anh Vũ Ngọc T2.

Các bị can Phạm Bá T và Mai Đình Q đều đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm do vậy hành vi của Phạm Bá T và Mai Đình Q đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

**Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*a) Có tổ chức;*

.....

***g) Tái phạm nguy hiểm.***

.....

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

[3] Xét tích chất mức độ hậu quả hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo lại diễn ra giữa ban ngày thể hiện tính coi thường pháp luật của các bị cáo.

Các bị cáo T, Q đều là những người có nhân thân xấu, đều đã có từ hai tiền án về tội chiếm đoạt trở lên, Q là đối tượng nghiện ma túy, đã bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên sau khi thi hành xong hình phạt tù các bị cáo không chịu làm ăn lương thiện lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử áp dụng cho một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm đồng thời mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án đối với hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Wave an pha BKS 17K8 – 6412 của chị L.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều có sự bàn bạc thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. T là người rủ rê, khởi xướng, là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội như cờ lê, vạm phá khóa, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội dùng vạm phá khóa, vặn mở khóa trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Wave an pha BKS 17K8 – 6412 của chị L và mang đi tiêu thụ, sử dụng một phần lớn số tiền bán tài sản trộm cắp là chiếc xe mô tô của chị L, do vậy T giữ vai trò thứ nhất. Đối với Q, Q là đồng phạm giúp sức tích cực cho T. Khi T rủ đi trộm cắp Q thống nhất ý chí với T về việc cùng nhau đi trộm cắp xe, là người điều khiển xe mô tô chở T đi trộm cắp, khi phát hiện thấy tài sản của chị L đã chỉ T và điều khiển xe đi chậm đến gần vị trí để xe của chị L để T xuống thực hiện hành vi trộm cắp, Q là người trực tiếp cùng T đi tiêu thụ tài sản trộm cắp là chiếc xe mô tô Wave an pha BKS 17K8 – 6412 của chị L và cùng sử dụng và được ăn chia số tiền do T bán tài sản trộm cắp là chiếc xe mô tô Wave an pha BKS 17K8 – 6412 của chị L. Do vậy Q giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, Q đều thành khẩn khai báo, người bị hại chị L, chị Ph (vợ anh T2) xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo do vậy các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

T đã tác động gia đình, nộp đủ số tiền 3.600.000 đồng bồi thường cho anh T2 để khắc phục hậu quả, tự thú về hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 54T3- 0416 nên T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Q phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn do vậy Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[5] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo T 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần giá trị tài sản trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Q không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo đều là lao động tự do là không có thu nhập không ổn định. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Chị L đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại trị giá số tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 40.000 đồng trong cốp mà các bị cáo trộm cắp, không nhận lại quần đi mưa và chiếc ví vì giá trị không còn nên không đặt ra giải quyết.

Chiếc xe mô tô 54T3 – 0416, của anh Vũ Ngọc T2 sinh năm 1970 ở tổ 9, thị trấn Đông Hưng có trị giá 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) nay không thu hồi được, do vậy cần buộc bị cáo T phải bồi thường toàn bộ cho anh T2. Gia đình T đã nộp 3.600.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự Đông

Hung để khắc phục hậu quả thay cho T. Do vậy cần chuyển số tiền trên sang để bồi thường cho anh T2.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 Vam kim loại, 01 Cờ lê là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động sam sung GlaxyJ6 cơ quan điều tra thu giữ T, 01 điện thoại Nokia, 01 khẩu trang màu đen, 01 ví da nam màu đen, 01 áo khoác phao màu đen, 01 mũ lưỡi trai cơ quan điều tra thu giữ của Q là tài sản cá nhân của Q không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

- 01 quần đi mưa, 01 ví da nữ màu đen là tài sản của chị L, giá trị tài sản không còn chị L không có yêu cầu nhận lại cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô Yamaha đeo biển kiểm soát 29E2 - 208.08 của Q, Q khai mua tại hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Khắc T3, sinh năm 1957 ở xã AL, huyện QP, tỉnh TB năm 2018 với giá 7.000.000 đồng, khi mua bán không có giấy tờ và không có hợp đồng mua bán. Ông T3 khai: ông làm dịch vụ cầm đồ do mua bán xe của nhiều người nên không nhớ được. Qua tra cứu sổ khung, số máy xác định chủ sở hữu là ông Hoàng Văn Th1, ở ấp 10, xã LTh, huyện L N, tỉnh BP, xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Cơ quan Điều tra đã ủy thác điều tra cơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LN nhưng đến nay chưa có kết quả; Đối với biển kiểm soát 29E2 – 208.08, kết quả tra cứu là biển kiểm soát của xe mô tô Wave  $\alpha$  thuộc quyền sở hữu của anh Trịnh Hữu Th2, sinh năm 1991 ở phường PL, ĐĐ, Hà Nội, anh Th2 khai bị mất trộm xe tại quận Nam Từ Liêm, Hà Nội vào tháng 10/2017. Cơ quan điều tra đã ban hành Công văn thông báo gửi cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đề nghị đến nhận bàn giao chiếc biển số trên để giải quyết theo thẩm quyền. Do thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã tách ra để xử L sau là đúng thẩm quyền, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 1.050.000 đồng thu trên người T và 950.000 đồng do ông Túc bố Q giao nộp (tiền để trong ví của Q), tổng là 2.000.000 đồng T và Q đều xác định là tiền do bán xe mô tô biển kiểm soát 17K8 - 6412 trộm cắp của chị L mà có. Tuy nhiên, do anh Nguyễn Văn Th không có mặt ở địa phương nên Cơ quan chưa lấy được lời khai, vì vậy chưa làm rõ được khi mua xe anh Th có biết rõ nguồn gốc hay không, do thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan điều tra tiếp tục quản L để xử L sau là có cơ sở hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan được kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

***Vì các lẽ trên.***

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Bá T và Mai Đình Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”**

- Áp dụng: Điểm g, Khoản 2, Điều 173, Điểm s, b, r, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 50, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Bá T.

Xử phạt Phạm Bá T 03(ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/01/2019.

- Áp dụng: Điểm g, Khoản 2, Điều 173, điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Đình Q

Xử phạt Mai Đình Q 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26/01/2019.

## **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo Phạm Bá T phải bồi thường cho anh Vũ Ngọc T2 sinh năm 1970, trú tại tổ 9, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trị giá chiếc xe mô tô 54T3 – 0416 mà bị cáo đã trộm cắp là 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*)

Chuyển số tiền 3.600.000 đồng đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) gia đình bị cáo T đã nộp bồi thường thay T theo Biên lai số 0002688 ngày 03/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng để thi hành phần bồi thường cho anh Vũ Ngọc T2.

## **3. Về xử L vật chứng:**

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 Vam kim loại, 01 Cờ lê , 01 quần đi mưa, 01 ví da nữ màu đen; Tuyên trả cho bị cáo Phạm Bá T 01 điện thoại di động samsung GlaxyJ6; Tuyên trả cho bị cáo Mai Đình Q 01 điện thoại No kia, 01 khẩu trang màu đen, 01 ví da nam màu đen, 01 áo khoác phao màu đen, 01 mũ lưỡi trai.

Các đồ vật trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng và chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 03/5/2019.

## **4. Về án phí:**

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phạm Bá T, Mai Đình Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

## **5. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Đông Hưng
- Công An huyện Đông Hưng
- Cục THA Dân sự huyện Đông Hưng
- UBND xã Đông Phương, Đông Hưng ,TB
- UBND Đông Sơn, Đông Hưng ,TB
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Nhung**

